

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 245/2020/DS-PT  
Ngày 16-12-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng góp  
hụi.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mai Dung

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Dương Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/TLPT-DS về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm: 1965; cư trú tại: xã TH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hương Gi (tên thường gọi: Tr), sinh năm: 1977 (vắng mặt); Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1971 (có mặt); Cùng cư trú tại: xã TH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Minh Đ:* Luật sư Bùi Thị HM thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Re thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Nguyên đơn - bà Trương Thị Mỹ H trình bày:*

Bà Gi tham gia 03 dây hụi do bà H làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10-3-2018 dương lịch (DL), gồm 26 phần, hụi mẫn ngày 10-4-2020 (DL), bà Gi tham gia 01 phần với tên hụi viên là Trinh (Đ) trong danh sách hụi viên, bà Gi lĩnh hụi kì đầu tiên với số tiền 36.200.000 đồng (đã trừ cò), sau đó bà Gi chỉ đóng hụi chết đến ngày 10-8-2019 thì ngưng, còn nợ 08 kỳ hụi chết với số tiền  $8 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 16.000.000 \text{ đồng}$ .

- Dây 2 và 3: Hụi 2.000.000 đồng, cùng mở ngày 9-3-2019 (DL), gồm 25 phần, hụi mẫn ngày 09-3-2021 (DL) bà Gi tham gia mỗi dây 01 phần với tên hụi viên là Trinh (Đ) trong danh sách hụi viên, bà Gi lĩnh hụi kỳ khai hụi thứ 2 của mỗi dây với số tiền  $36.650.000 \text{ đồng} \times 2 = 73.300.000 \text{ đồng}$  (đã trừ cò), sau đó bà Gi chỉ đóng hụi chết đến ngày 09-8-2019 thì ngưng cho đến nay, còn nợ lại 19 kỳ hụi chết với số tiền  $19 \text{ kỳ} \times 4.000.000 \text{ đồng} = 76.000.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền hụi chết bà Gi, ông Đ nợ là 92.000.000 đồng.

Trong thời gian hai bên giao dịch hụi với nhau thì vợ chồng ông Đ, bà Gi vẫn chung sống bình thường, hai bên vốn là hàng xóm, cách nhau chỉ vài căn nhà, bà H trình bày ông Đ cũng biết việc bà Gi hốt hụi của bà nhưng do tin tưởng nên các giấy đăng hụi bà không yêu cầu phải có chữ ký của ông Đ. Đầu năm 2020, vào ngày đám hỏi con gái của ông Đ, bà Gi thì bà H có qua nhà để đòi nợ hụi thì bà Gi có hứa trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà H yêu cầu ông Đ, bà Gi cùng có nghĩa vụ trả số tiền hụi 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng.

- Bị đơn – bà Võ Thị Hương Gi (Trinh) trình bày:

Bà Gi thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà H, xác định có tham gia 03 dây hụi như bà H trình bày với tên hụi viên Trinh (Đ) và đã hốt tất cả 03 phần hụi này được tổng số tiền 109.500.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền hốt hụi là để chi tiêu, sinh hoạt, chăm lo trong gia đình, không chi xài cá nhân. Tiền đóng hụi là từ nguồn tiền chung của vợ chồng do bà Gi quản lý. Từ tháng 8-2019 đến nay bà Gi chính thức sống ly thân với ông Đ và không còn thực hiện nghĩa vụ của hụi viên đóng hụi chết cho bà H do mâu thuẫn với ông Đ, bà dọn đi nơi khác sinh sống và kinh tế khó khăn. Nay bà Gi thống nhất tổng số tiền hụi chết còn nợ bao gồm cả những lần bà H đã choàng hụi và cả những lần tính đến khi mẫn hụi là 92.000.000 đồng. Bà Gi xác định đây là nợ hụi chung của hai vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc ông Đ cùng nghĩa vụ trả số tiền này cho bà H.

- Bị đơn – ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Ông Đ xác định tiền bạc trong gia đình lúc vợ chồng còn sống chung do bà Gi nắm giữ và chi tiêu. Vợ chồng ông ly thân hơn 01 năm nay không còn qua

lại, ông bà cũng vừa được Tòa án nhân dân thị xã HT công nhận thuận tình ly hôn vào cuối tháng 7-2020. Ông không đồng ý việc bà H yêu cầu vợ chồng ông cùng có nghĩa vụ trả số tiền hồi chết 92.000.000 đồng. Ông xác định số tiền nợ hồi này là nợ riêng của bà Gi không liên quan đến ông vì bản thân ông đã nêu rõ quan điểm không thích việc chơi hồi nên đã căn dặn vợ từ năm 2012 không được chơi hồi nữa. Với các dây hồi như bà H, bà Gi trình bày như trên ông hoàn toàn không biết vì lúc ban đầu giao kết tham gia hồi và khi đăng hồi không có mặt ông, không có chữ ký của ông. Mặt khác, suốt quá trình đóng hồi theo định kỳ ông chưa từng có lần nào trực tiếp giao dịch, đóng hồi cho bà H. Do đó, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nghĩa vụ trả nợ hồi này là của bà Gi, ông không đồng ý cùng bà Gi trả số tiền này theo yêu cầu của bà H.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Minh Đ- Luật sư Bùi Thị HM trình bày:*

Vợ chồng ông Đ, bà Gi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1995. Ngày 31-7-2020, ông bà được Tòa án nhân dân thị xã HT ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Quá trình chung sống ông bà có tạo lập được tài sản chung, có nợ chung, tuy nhiên không phải mọi khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đều là nợ chung nếu tiền nợ không phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bà Gi tham gia góp hồi ông Đ không biết, không nhận tiền hồi. Mặt khác, tháng 8-2018, ông Đ bà Gi chuyển nhượng phần đất cao su được hơn 01 tỷ đồng, số tiền chi tiêu do bà Gi ghi sổ khoản 900.000.000 đồng, bà Gi không hồi vẫn còn dư khoảng 100.000.000 đồng nên ông Đ không đồng ý cùng bà Gi trả số tiền hồi 92.000.000 đồng cho bà H.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ H, buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Võ Thị Hương Gi (tên thường gọi: Trinh) cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Mỹ H số tiền hồi 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng, trong đó:

Ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ trả số tiền hồi 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng cho bà Trương Thị Mỹ H.

Bà Võ Thị Hương Gi (tên thường gọi: Trinh) có nghĩa vụ trả số tiền hồi 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng cho bà Trương Thị Mỹ H.

Ngoài ra bản án quyết định về án phí; nghĩa vụ chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, ông Nguyễn Minh Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền 92.000.000 đồng là tiền nợ riêng của bà Gi, ông Đ không phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

***Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Bà Gi tham gia góp hội ông Đ có thể biết hoặc không biết, nhưng khi bà Gi hốt hội ông Đ biết, bà Gi lại không kinh doanh riêng, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà Gi quán xuyến, ông Đ cũng thừa nhận và thời gian hốt hội cũng trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 27/2020/DS-ST ngày 17-8-2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT tỉnh Tây Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Hương Gi, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 24 ấp Trường Cửu, xã TH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh nhưng không có mặt ở địa phương, Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Gi vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Gi theo quy định tại khoản 3 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua xác minh thể hiện, bà Gi có tên gọi khác là Trinh. Năm 2018, bà Gi có tham gia chơi 01 phần hội 2.000.000 đồng/tháng của bà H, khai ngày 10-3-2018, hội mãn ngày 10-4-2020 (DL), bà Gi hốt đầu tiên, còn nợ lại 8 lần hội chết với số tiền 16.000.000 đồng. Năm 2019, bà Gi tham gia 02 phần hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 09-3-2019 (DL), hội mãn ngày 09-3-2021 (DL), còn nợ lại 19 lần hội chết, với số tiền 76.000.000 đồng. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì đây hội khai ngày 10-3-2018 đã mãn, còn 2 đây hội khai ngày 09-3-2019 vẫn chưa mãn hội, nhưng bà H khởi kiện yêu cầu bà Gi,

ông Đ trả số tiền 92.000.000 đồng là bao gồm luôn cả phần hồi chết của 02 dây hồi chưa mãn. Căn cứ Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 thì bà Gi chỉ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hồi và tiền lãi mà bà H đã góp thay cho bà Gi. Tuy nhiên, tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bà Gi thừa nhận và đồng ý trả cho bà H số tiền hồi tổng cộng 92.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ:

[3.1] Bà H, bà Gi, ông Đ đều xác nhận và thời điểm bà Gi tham gia góp hồi của bà H thì ông Đ không biết, tuy nhiên thời gian sau ông Đ biết việc vợ ông là bà Gi có hồi và còn nợ tiền hồi chết của bà H (BL 24, 27a). Mặt khác, trong sổ chi tiêu do bà Gi ghi có nội dung thể hiện có chi tiền đóng hồi từ năm 2018, 2019 nhưng ông Đ cũng không có phản ứng gì. Ngoài ra tại (BL số 27a) biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Minh Thư là con của ông Đ và bà Gi thể hiện: Bà Gi có hồi của bà H được bảy mươi mấy triệu đồng và chị Thư đã cầm số tiền này lên đám tang của cậu chị Thư thì không bao lâu ông Đ biết việc hồi của bà Gi. Việc trình bày của chị Thư cũng thể hiện bà Gi không dấu diếm việc góp hồi với bà H vì chính chị Thư là người cầm tiền hồi của bà H đưa cho bà Gi.

[3.2] Tại tòa cũng như các biên bản lấy lời khai ông Đ, bà Gi thừa nhận việc thu chi trong gia đình do bà Gi quán xuyến, bà Gi đi bẻ nhãn thuê, không kinh doanh riêng, ông Đ đi cạo mũ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ cũng thừa nhận, thời điểm bà Gi lĩnh hồi thì vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau. Do đó, ông Đ cho rằng việc bà Gi tham gia góp hồi của bà H ông Đ không biết, số tiền lĩnh hồi bà Gi lĩnh dùng tiêu xài cá nhân, không phải chi tiêu trong gia đình nên ông Đ không đồng ý cùng trả với bà Gi là không phù hợp.

[3.3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ cho rằng mọi khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đều là nợ chung nếu tiền nợ không phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà Gi tham gia góp hồi ông Đ không biết, không nhận tiền hồi và ông Đ bà Gi chuyển nhượng phần đất cao su được hơn 01 tỷ đồng, số tiền chi tiêu do bà Gi ghi sổ khoản 900.000.000 đồng, bà Gi không hồi vẫn còn dư khoảng 100.000.000 đồng nên ông Đ không đồng ý cùng bà Gi trả số tiền hồi 92.000.000 đồng cho bà H là không phù hợp, bởi vì: Các đương sự đều xác nhận mọi chi tiêu trong gia đình đều do bà Gi quán xuyến, bà Gi không kinh doanh riêng. Tại biên bản lấy lời khai của chị Thư (con ông Đ bà Gi) cũng thể hiện chị Thư là người cầm số tiền hồi của bà H để đưa cho bà Gi thể hiện bà Gi không có ý định dấu diếm gia đình, chị Thư cũng xác định bà Gi không tiêu xài cá nhân và số tiền bán cao su là để trả nợ cho gia đình, nợ hàng xóm tiền mượn làm vốn nuôi gà, trả nợ cho anh trai và chi tiêu trong gia đình. Mặt khác, ông Đ và bà Gi đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 236/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT nhưng không giải quyết về tài sản, do đó cấp sơ thẩm buộc ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng với bà Gi trả cho bà H số tiền 92.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ nên ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009067 ngày 31-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Đ đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh Đ

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ H

- Buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Võ Thị Hương Gi (tên thường gọi: Trinh) cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Mỹ H số tiền hui 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng, trong đó:

Ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ trả số tiền hui 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng cho bà Trương Thị Mỹ H.

Bà Võ Thị Hương Gi (tên thường gọi: Trinh) có nghĩa vụ trả số tiền hui 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng cho bà Trương Thị Mỹ H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Minh Đ và Võ Thị Hương Gi (tên thường gọi: Trinh) mỗi người phải chịu 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Mỹ H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008803 ngày 01-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009067

ngày 31-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX. HT;
- Chi cục THADS TX. HT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Phan Thị Mai Dung**